

KINH HIỂN NGU

QUYỂN 3

Phẩm 15: CÚ-ĐÀ BỐ THÍ THÂN

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật trú tại núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt-kỳ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bị cảm phong. Y vương Kỳ-vực điều chế được loại dược Tô, ông dùng ba mươi hai loại dược liệu điều chế để Đức Phật trị bệnh một ngày uống ba mươi hai lạng.

Khi ấy Đề-bà-đạt-đa sinh tâm đố kỵ, tự cao tự đại có ý sánh ngang hàng với Phật. Nghe Phật Thế Tôn đang dùng dược Tô, có ý tham lam muốn dùng ngang với Phật, nên Đề-bà-đạt-đa cho gọi Kỳ-vực đến bảo:

–Ông nên luyện dược Tô cho ta.

Kỳ-vực luyện dược Tô và bảo Đề-bà-đạt-đa nên dùng một ngày bốn lạng. Đề-bà-đạt-đa thắc mắc hỏi:

–Phật dùng một ngày mấy lạng?

Kỳ-vực đáp:

–Ba mươi hai lạng.

Đề-bà nói:

–Ta cũng dùng ba hai lạng.

Kỳ-vực nói:

–Thân Như Lai không giống như ngài, nếu ngài uống nhiều ắt gặp tai họa.

Đề-bà-đạt-đa nói:

–Thuốc ấy tôi uống vào đủ sức để tiêu hóa, bản thân tôi và Phật có gì khác nhau đâu! Cứ cho ta uống liền công hiệu như Phật.

Hàng ngày Đề-bà vẫn uống ba mươi hai lạng, khi thuốc vào trong thân thể lưu chuyển vào các mạch, do sức yếu kém nên không thể tiêu hóa được, thân thể tứ chi đau đớn thống khổ, rên rỉ, gào thét, ruột gan rối bời vật vã. Đức Phật thương xót liền đưa bàn tay xoa vào đầu, dược liệu được tiêu hóa dứt hết đau đớn, bệnh tình bình phục. Đề-bà-đạt-đa ngó lại thấy tay Phật bèn nói rằng:

–Tất-đạt dùng xảo thuật dối với đời vô dụng, lại học nghề thuốc mới khéo biết như vậy.

Bấy giờ A-nan nghe những lời như vậy, trong lòng buồn giận đến quỳ xuống bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn, Đề-bà-đạt-đa không biết tri ân. Đức Thế Tôn vì từ bi dứt trừ cơn đau đớn cho ông ta, mà ông ta lại phát ra những lời không mấy thiện cảm, có điều gì trong lòng mà sinh ra tâm địa như vậy, ngày đêm suy nghĩ đố kỵ với Đức Thế Tôn.

Đức Phật dạy A-nan:

–Đề-bà-đạt-đa không chỉ ngày nay ôm lòng không tốt muốn làm hại Ta, mà trong kiếp quá khứ đã từng nuôi tâm sát hại Ta.

Ngài A-nan bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, con không rõ trong quá khứ Đề-bà-đạt-đa làm việc thương hại Đức Thế Tôn như thế nào và vì lý do gì?

Đức Phật dạy:

–Hãy khéo lắng nghe, Ta sẽ nói.

Ngài A-nan thưa:

–Xin vâng. Bạch Đức Thế Tôn, chúng con nhất tâm lắng nghe.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, vào thời quá khứ lâu xa, không thể tính số a-tăng-kỳ kiếp, cõi Diêm-phù-đề này có một thành lớn gọi là Ba-la-nại. Vua nước ấy tên là Phạm-ma-đạt hung bạo không có từ tâm, sống xa xỉ, hảo lạc, hiếu dâm, hay ôm lòng ác độc đố kỵ, thích làm hại người khác.

Một hôm ông mộng thấy một con thú có lông sắc vàng, bộ lông mượt mà phát ra ánh sáng vàng, chiếu khắp hai bên tả hữu đều là sắc vàng. Sau khi tỉnh giấc, ông tự nghĩ: “Theo như giấc mộng của ta thì một bộ lông như vậy không thể có trong thế gian này. Ta phải tổ chức một cuộc đi săn để tìm cho ra bộ lông kia.” Sau khi suy nghĩ như vậy, vua cho mời các chuyên gia săn bắn đến diễn tả lại giấc mộng về con thú có lông màu vàng, đầu mỗi sợi lông phát ra ánh sáng chói lọi khác thường. Vua nói:

–Ta nghĩ trong nước chắc phải có vật này, mong các người đi khắp mà tìm bắt cho được. Nếu bắt lấy được bộ da kia ta sẽ trọng thưởng, cho con cháu của các người dùng đến bảy đời. Nếu không cố công tìm bắt được ta sẽ tru diệt dòng họ tổ tông của các người.

Các thợ săn nhận lệnh xong, trong lòng sầu não lo lắng không có phương kế gì, cùng họp lại một nơi để bàn cách giải quyết sự việc này:

–Giấc mộng về con thú của vua trên đời này chưa từng thấy, cần phải đi nơi nào để tìm cho ra được. Nếu không tìm được, phạm vào phép vua tất cả chúng ta vĩnh viễn không còn đường sống.

Sau khi bàn luận xong họ càng tăng thêm sầu muộn. Có một người trong nhóm kể lại rằng:

–Trong núi đầm này, độc trùng ác thú nhiều vô số kể. Vào sâu mà tìm ắt không thể được, vừa vào đến nơi đã tan thân mất mạng chết toi trong rừng sâu. Riêng ý của tôi nên kiếm một người đi tìm hộ cho.

Mọi người đều đồng ý. Rồi sau đó chọn được một người và nói:

–Anh nên hết lòng đi vào rừng sâu để tìm con thú lông vàng, nếu trở về mọi chuyện tốt đẹp chúng tôi gom lại nhiều bảo vật để trọng thưởng cho anh. Giả vào trong rừng sâu lỡ bị hại không trở về được thì chúng tôi sẽ giao số bảo vật cho vợ con anh.

Nghe trình bày xong, anh ta trầm nghĩ: “Ta vì những người này dầu bỏ thân mạng cũng được.” Sau khi tính toán có thể lên đường, vị ấy lo hành trang lương thực đầy đủ, rồi ra đi. Trải qua một thời gian khá lâu, thân suy lực kiệt, trời thì nắng chang chang, lại phải đi qua mỗi bãi sa mạc, cát nóng rang, cổ họng khô khốc, cơn khát trầm trọng, hơi nóng bốc lên uất ngẹn cổ họng gần chết. Khổ đau cùng cực thống thiết, vị ấy nói:

–Có ai rủ lòng Từ bi thương xót đến ta, cứu giúp mạng sống của ta.

Lúc đó trong núi đầm có một dã thú gọi là Cứ-đà, lông thân sắc vàng, đầu lông chiếu sáng, từ xa nghe những lời thống thiết như vậy, rất thương xót người bị nạn, đích thân tìm xuống khe nước lạnh rồi trở lại chỗ đó dùng thân áp ủ cùng khắp người kia. Lát sau người ấy hồi tỉnh có chút sức lực, Cứ-đà liền dẫn đến dòng nước tắm rửa, rồi đi nhặt trái cây cho anh ta ăn. Sau một hồi thân thể bình phục, anh ta nghĩ: “Con thú đặc biệt có lông vàng, sắc sáng này là con thú mà đại vương đang cần đây. Nhưng khi ta sắp chết

nó đã cứu mạng ta. Cảm ân đức chưa lấy gì để đền trả làm sao mà rắp tâm làm hại nó được, nhưng nếu không bắt nó thì đám thợ săn và bà con của họ đều bị giết sạch.” Nghĩ đến việc này lòng anh ta cứ miên man suy nghĩ. Cứ-đà nói:

–Việc ấy chớ lo, da của tôi đây xin biểu anh.

Rồi Cứ-đà kể:

–Tôi từ nhiều đời trước đến nay đã xả bỏ thân này vô số nhưng chưa từng làm việc phước đức. Nay xả bỏ mạng sống lấy tấm da này để cứu bao sinh mạng kia, trong lòng tôi rất hoan hỷ. Nếu anh lấy thì lột lấy da của tôi, đừng vội dứt mạng sống liền. Tôi đã cho anh chẳng có hối tiếc.

Khi ấy người thợ săn từ từ bóc lấy da. Mặc dầu rất đau nhưng Cứ-đà lập nguyện: “Nay tôi dùng da tôi bố thí cho người này để cứu mạng cho những người thân của họ, nguyện đem công đức này hồi hướng cho tất cả đều thành Vô thượng chánh chân Phật đạo và rộng độ cho tất cả chúng sinh đang chìm đắm trong biển khổ sinh tử được an trú vào Niết-bàn an lạc.” Cứ-đà lập nguyện xong, ba ngàn thế giới chấn động sáu lần, cung điện các cõi trời dao động không ngừng. Chư Thiên đều kinh ngạc, tìm hiểu hiện tượng kỳ lạ đó thì thấy Bồ-tát đang lột da mình để bố thí. Ngay khi ấy chư Thiên từ Thiên cung giáng hạ xuống rải hoa cúng dường khóc lę như mưa. Sau khi lột da xong còn lại phần thịt đỏ tươi, máu chảy tràn trề, không thể nhìn được. Lại có tám vạn con ruồi kiến bu đầy trên thân rúc rĩa ăn thịt. Khi ấy Cứ-đà muốn trở mình nhưng sợ làm thương tổn đến loài ruồi kiến. Nỗi đau thống thiết tự mình nhẫn nhịn, thân không dao động, chia thân ra bố thí, rồi chết. Các loài ruồi kiến nhờ ăn thịt Bồ-tát, sau khi mạng chung đều được sinh Thiên.

Bấy giờ người thợ săn mang bộ da trở về nước dâng lên nhà vua thấy rất hoan hỷ khi bộ lông này thuộc loại vô cùng đặc biệt chưa hề thấy, bền đẹp mịn màng. Vua thường dùng trải nằm, khi nằm trên tấm lông thú đó tâm hồn rất an lạc, thoải mái.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, thân thú Cứ-đà lúc bấy giờ nay chính là Ta. Vua Phạm-ma-đạt nay là Đề-bà-đạt-đa. Tám vạn ruồi kiến lúc đó khi Ta mới thành đạo vừa chuyển vận pháp ở trên cung trời có tám vạn chư Thiên đắc đạo. Đề-bà-đạt-đa thời đó làm thương tổn Ta cho đến nay cũng không có thiện tâm, đêm ngày rắp tâm muốn làm thương hại Ta.

Hiền giả A-nan và hội chúng sau khi nghe Phật kể lại như vậy trong lòng buồn rầu, tất cả đều tinh tấn, chuyên cần thực hành chánh pháp có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người gieo nhân Bích-chi-phật và cũng có người phát tâm Vô thượng Phật đạo, có người an trú địa vị Bất thoái. Tất cả đều hoan hỷ, cung kính phụng hành.

M

Phẩm 16: TỶ-KHEO-NI VI DIỆU

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật trú tại tinh xá Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc bấy giờ, sau khi vua Ba-tư-nặc băng hà, thái tử Lưu Ly nhiếp chính làm vua, tính tình bạo ngược vô đạo, xua đuổi đàn voi say chà đạp giết người vô số. Lúc ấy những phụ nữ quý tộc thấy sự việc như vậy trong lòng buồn rầu chán nản không vui với tục ấy, cùng rủ nhau đi xuất gia làm Tỳ-kheo-ni. Nhân dân trong nước thấy các người nữ, hoặc thuộc dòng họ Thích, hoặc dòng vua chúa, tôn quý đoan trang thuộc loại hàng số một trong nước, tất cả đều xả bỏ dục lạc, xuất gia học đạo. Ai cũng khen đẹp, mọi

người tranh nhau cúng dường. Các Tỳ-kheo-ni cùng nói với nhau:

–Chúng ta tuy trên danh nghĩa là xuất gia nhưng chưa uống được thuốc chánh pháp nhằm tiêu trừ dâm, nộ, si. Chúng ta cùng đến chỗ của Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà để học hỏi về kinh pháp.

Lòng mong mỗi học đạo, họ đều vội vã đến đó. Sau khi làm lễ chào hỏi xong, các vị ấy thưa:

–Chúng con tuy đã nhập đạo nhưng chưa thấm được giọt nước cam lộ. Mong đại Ni sư khai ngộ cho chúng con!

Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà suy nghĩ: “Ta sẽ dạy cho họ đi ngược lại với giới luật của Phật, họ trở về ta thâu một số y bát không thích lắm sao!” Bà dạy:

–Các người thuộc dòng đại quý tộc, có ruộng vườn cơ nghiệp, bảy loại châu báu, voi, ngựa, nô tỳ không hề thiếu thốn. Sao lại bỏ đi mà thọ giới cấm của Phật, làm Tỳ-kheo-ni khổ cực vậy? Chẳng bằng hoàn tục trở về dựng vợ gả chồng cùng hưởng thú vui dục lạc rồi tùy ý bố thí như vậy không sung sướng một đời hay sao!

Nghe nói như vậy, nhóm Tỳ-kheo-ni trong lòng chán nản, khóc lóc rồi bỏ đi. Họ lại đến nơi tịnh thất của Tỳ-kheo-ni Vi Diệu, trước hết làm lễ rồi thăm hỏi đúng pháp và thưa:

–Chúng con sống ở tại gia mê theo thói đời. Nay tuy đã xuất gia nhưng tâm ý còn buông lung phóng dật tâm dục mãnh liệt, tự mình không thể tìm lối thoát được. Mong đại Ni sư thương xót thuyết pháp khai mở, giải thích những tội lỗi mê mờ đó cho chúng con.

Bấy giờ Tỳ-kheo-ni Vi Diệu dạy:

–Này các vị, trong ba đời các vị muốn hỏi điều gì?

Các vị ấy thưa:

–Bạch đại Ni sư, quá khứ và vị lai thì không đề cập đến, mong đại Ni sư, căn cứ vào hiện tại mà giải thích các nghi ngờ ràng buộc cho chúng con.

Tỳ-kheo-ni Vi Diệu dạy:

–Dâm dục giống như ngọn lửa dữ thiêu cháy núi rừng, nó lan ra rất nhanh, làm thương tổn một vùng rất rộng. Con người mà đắm tâm vào dâm dục là cùng bắt tay với giặc hại qua ngày đoan thảng đoạ vào tam đồ không có ngày ra khỏi. Những niềm vui trong gia quyến, tham đắm vào sự sum họp, ân ái, vinh hoa, lạc phú nhân duyên, sinh, già, bệnh chết, ly biệt, những phiến toái ở công đường đều là nước mắt và luyến tiếc, thương hoại tâm cam, sự quyến luyến gia đình thâm căn cố đế, tâm ý bị trói buộc còn hơn lao ngục.

Ta vốn sinh ra trong một gia đình Phạm chí, thân phụ của ta là bậc tôn quý lớn nhất trong nước. Lúc đó, có người con trai của vị Phạm chí, thông minh tài trí nghĩ ta có sắc đẹp đoan chánh, cho người mai mối, cưới về làm vợ tác thành gia thất sau đó sinh được đứa con trai. Chẳng bao lâu sau, cha mẹ chồng con nhà cửa đều tiêu tan hết. Vào lúc mang thai, ta nói với chồng:

–Nay thiếp đã mang thai, trong mình ô uest, bất tịnh. Gần đến ngày sinh nỡ sợ có điều nguy hiểm xảy ra, thiếp muốn trở về nhà cha mẹ để thăm.

Chồng ta nhất trí cùng đi về nhà, đến được nửa đường thân thể chuyển bệnh. Nghi dưới một gốc cây chồng ta nằm một bên. Đêm đó ta chuyển bụng sinh, những chất dơ chảy ra có mùi xú uest, loài rắn được bò đến và cắn chồng ta chết, ta gọi mấy lần mà không nghe tiếng trả lời. Trời chuyển sáng ta cố ngồi dậy lật cánh tay chồng lên biết bị

rắn chắc, thân thể sưng tấy, mình mẩy bầm nát, chân tay rũ rượi. Ta thấy vậy liền chết ngất. Đứa con lớn, biết cha chết thất thanh la lớn. Nghe tiếng con la, ta choàng tỉnh dậy, lưng công đứa con lớn, tay bỗng đứa con nhỏ khóc rồi đi tiếp, quãng đường hiểm trở không có bóng người. Đi tiếp một đoạn đường có con sông lớn vừa sâu vừa rộng, ta để đứa lớn bên bờ này ẵm đứa nhỏ lội qua bờ kia rồi trở lại đón đứa lớn. Đứa nhỏ từ xa thấy ta liền lao tới rớt xuống dòng sông, ta cố lao theo mà không kịp, không thể cứu được chìm lỉm mất hút. Ta trở lại để đón đứa lớn, nhưng than ôi! Lang sói đã ăn mất chỉ còn đồng máu lưu lại trên đất. Vật vã bất tỉnh hồi lâu ta mới tỉnh, lại ra đi tiếp. Đang trên đường về nhà gặp một Phạm chí bạn của cha ta, hỏi:

–Con từ đâu đến mà thấy tiêu tụy như vậy?

Ta liền đem những chuyện đã xảy ra kể cho ông ta nghe. Lúc đó Phạm chí thương xót cho thân phận cô độc buồn khổ của ta. Ta vừa khóc lóc vừa hỏi ông Phạm chí về cha mẹ và người thân có được bình an tất cả không. Được trả lời là gia đình cha mẹ người thân lớn nhỏ, gần đây có một trận hỏa hoạn đã chết hết không còn sống sót một người nào. Sau khi nghe xong vật vã chết ngất hồi lâu mới tỉnh. Ông Phạm chí thấy vậy thương xót dẫn ta về nhà nuôi nấng đầy đủ, xem ta như con. Sau một thời gian có một Phạm chí khác thấy ta đẹp đẽ đoan chánh xin cưới ta làm vợ, ta cũng đồng ý. Sau khi cưới một thời gian sau ta có thai đã đến ngày gần mãn nguyệt khai hoa, ông ra ngoài la cà nhà người rượu chè nhậu nhẹt, chiều tối mới về gặp lúc ta sắp sinh, một mình trong nhà đóng cửa lại, khi đang sinh thì Phạm chí về nhà gõ cửa gọi lớn nhưng chẳng có ai ra mở cửa, ông ta tức giận phá toang cửa nhảy vào, vừa thấy đánh túi bụi. Ta phân trần, ông ấy càng nổi cơn giận nhảy vào giết chết đứa con, còn bắt ép ta ăn thịt con, đau khổ và sầu muộn cùng cực, không nhẫn tâm ăn thịt con, ông ta lại đánh đập tàn nhẫn, bức ép ta phải ăn, ăn xong trong lòng đau xót, ta nghĩ đã hết phước mới gặp con người như vậy. Ta bỏ ra đi đến Ba-la-nại, ở ngoài thành ngồi nghỉ dưới gốc cây. Trong khi đó có một trưởng giả vợ vừa mới chết đang đem chôn ở ngoại thành, thương mến luyện tiệc người vợ quá cố đó, ngày nào cũng ra ngoài thành đến nơi mà vợ khóc lóc. Một hôm gặp ta và hỏi:

–Cô người ở đâu mà ngồi một mình bên vệ đường này vậy?

Ta kể lại sự việc vừa qua, ông mời ta vào một viên quán và yêu cầu lấy ta làm vợ, ta đồng ý. Trải qua một vài ngày, trưởng giả bị một cơn trọng bệnh không thể cứu chữa được, phút chốc lìa trần. Theo tục lệ phép nước khi sinh thời người chồng mình yêu mến mà chết thì khi chôn phải cùng chôn người vợ luôn. Mặc dầu ta đã bị chôn vùi nhưng chưa chết, lúc đó có một bọn trộm, đào mồ trưởng giả đó lên để lấy trộm châu báu. Ta được cứu sống, tay anh chị của bọn trộm thấy ta đẹp đẽ đoan chánh lấy về làm vợ, vài tuần sau thực hiện một vụ trộm bị chủ phát giác bắt được, chặt đầu, bọn đàn em đem xác về giao cho ta đem chôn theo tục phép của nước đó người vợ phải chôn theo chồng. Sau đó ba ngày có các con chó sói đến đào mồ lên để ăn thịt người chết, ta tìm cách thoát thân. Ta tự than rằng không biết đời trước ta gieo những tai ương gì mà nay cứ dập dồn oan trái, trong thời gian một tuần lễ đã gặp nhiều cảnh khổ thế này. Chết rồi lại sống, cần phải phụng thờ ai để mạng sống được an toàn, sức nhớ ngày xưa ta thường nghe có người con dòng họ Thích bỏ nhà đi học đạo, thành đạo có hiệu là Phật thông suốt quá khứ, vị lai nên đến đó xin nương tựa, quy y, liền lên đường thẳng đến Kỳ hoàn, từ xa thấy Như Lai như cây đại thọ xanh tươi, như vầng trăng trong các vì sao.

Bấy giờ Đức Phật dùng Tam minh vô lậu quan sát thấy ta cần phải tế độ liền đến

đón ta. Ta lúc ấy thân hình lỏa lồ không có gì che thân, liền ngồi phệt xuống đất lấy tay che vú. Đức Phật dạy ngài A-nan:

–Ông đem cái y này cho người nữ kia.

Ta vận y vào đánh lễ ngang chân Đức Phật, trình bày những tai ách tội lỗi cả ta, mong Ngài rủ lòng thương xót nhận ta vào đạo. Đức Phật dạy ngài A-nan nên dẫn người nữ này giao cho Kiều-đàm-di, cho thọ giới pháp. Bà Đại Ái Đạo liền nhận ta làm Tỳ-kheo-ni và thuyết cho ta nghe về pháp Tứ đế, khổ, không, vô thường. Sau khi nghe pháp xong, ta dốc tâm tinh tấn tu hành, tự mình đạt đến quả Ứng chân, rõ biết quá khứ, vị lai. Nay trong đời hiện tại tất cả những khổ báo đều rõ ràng như các nghiệp mà ta đã tạo ra trong quá khứ không sai khác chút nào.

Các Tỳ-kheo-ni thưa hỏi:

–Đời trước do lỗi lầm gì mà nay người phải gánh tai ương như vậy? Cúi mong đại Ni sư thuyết cho.

Tỳ-kheo ni Vi Diệu đáp:

–Các người hãy lắng lòng nghe! Vào quá khứ có một vị trưởng giả giàu có của cải vô số, mà không có con, cưới một người vợ nhỏ, tuy là vợ nhỏ nhưng có sắc đẹp vô song được người chồng rất yêu quý. Sau đó nàng mang thai đã tròn mười tháng sinh được một nam nhi, vợ chồng đều yêu quý xem mãi không chán. Người vợ lớn thầm nghĩ: “Ta tuy dòng quý tộc, nhưng hiện không có con để nối dõi tông đường; đứa nhỏ này mai một khôn lớn cai quản nhà cửa, ruộng vườn tài sản nó sẽ quản hết. Ta lao khổ cực nhọc mới tích góp được tài sản này đến khi đó ta không còn tự tại thoải mái đối với tài sản đó nữa.” Từ đó tâm ganh ghét nổi lên, bà nghĩ rằng thà sớm trừ nó đi. Ngầm ý lấy một cây kim nhọn bằng thiếc đâm sâu vào mổ ác không ai biết. Đứa bé chết dần chết mòn, bảy ngày sau thì chết. Người vợ nhỏ buồn rầu nã, chết đi sống lại. Trong lòng nghi ngờ người vợ lớn sinh lòng ganh ghét giết con của mình, người vợ nhỏ hỏi: “Này chị, con của tôi không có tội tình ân oán gì với chị sao chị lại giết con tôi?”

Người vợ lớn liền thề thốt: “Nếu ta mà giết con của người thì đời đời chồng ta bị rắn độc cắn chết, con cái ta chết sông chết biển, bị lang sói ăn, thân ta bị chôn sống đi, ta ăn thịt con ta, cha mẹ, thân bằng quyến thuộc nhỏ lớn bị tai nạn hỏa hoạn mà chết. Sao lại mắng, lại nghi oan cho ta.” Vào lúc đó, do không tin vào tội phước tai ương quả báo, những lời thề ngày trước nay chịu quả báo không ai thay thế cho được.

Này các Tỳ-kheo-ni, người vợ lớn ngày trước nay chính là ta.

Các Tỳ-kheo-ni lại hỏi:

–Do sự may mắn nào mà đại Ni sư gặp được Đức Thế Tôn rồi được nhận vào đạo học hỏi giáo lý xa lìa sinh tử.

Tỳ-kheo ni Vi Diệu trả lời:

Ngày xưa ở Ba-la-nại có một ngọn núi lớn gọi là núi Tiên, trong núi thường có những vị Bích-chi-phật, Thanh văn, ngoại đạo, Thần tiên. Lúc bấy giờ có một vị Duyên giác vào thành khất thực. Có người vợ của một trưởng giả thấy vị ấy khất thực sinh tâm hoan hỷ cúng dường. Vị Duyên giác ăn xong phi hành lên hư không thân xuất ra nước lửa, nằm ngồi trên không trung, người vợ trưởng giả thấy vậy phát thệ nguyện: “Mong ta đời sau đắc đạo giống vậy.” Người phát thệ nguyện lúc đó, nay chính là ta, do nhân duyên đó mà gặp được Như Lai, tâm trí được khai ngộ, thành La-hán. Ngày nay, thân ta tuy đã đắc quả A-la-hán nhưng ngày đêm thường bị một mũi kim thiếc châm từ trên đầu thẳng xuống dưới chân đau đớn không dứt được. Họa phúc như vậy không bao giờ mất

báo ứng của nó.

Lúc bấy giờ năm trăm vị Tỳ-kheo-ni quý phái kia được nghe thuyết pháp như vậy, ai nấy đều lo lắng, quán sát gốc rễ của dục giống như lửa hừng. Từ đó tâm tham dục vĩnh viễn không sinh, nổi khổ tại gia như lao ngục và các trần cấu diệt trừ hết, nhập vào thiên định chứng quả A-la-hán. Tất cả đồng thanh thưa với đại Ni sư:

–Chúng con nghiệp ái dâm dục cứ cột trời chúng con triền miên không làm sao mà nhổ bật gốc rễ nó được. Nay nhờ ân đức của đại Ni sư hướng dẫn tất cả chúng con được vượt thoát sinh tử.

Khi ấy Đức Phật khen ngợi:

–Lành thay Vi Diệu! Vì đạo giải thoát đem chánh pháp mà răn dạy mọi người là Phật tử chân chánh.

Tất cả hội chúng nghe xong đều hoan hỷ, đánh lễ phụng hành.

M

Phẩm 17: A-THÂU-CA CÚNG DƯỜNG ĐẤT

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc bấy giờ vào buổi sáng Đức Phật cùng A-nan vào thành khát thực, thấy một đám trẻ em đang chơi trên đường. Chúng dồn đất lại để nặn đồ chơi, nào là cung điện, nhà cửa, bình chứa tài sản, vật báu ngũ cốc. Trong đám nhỏ đó có một em bé từ xa thấy Phật đi tới tướng hảo quang minh, sinh lòng cung kính, hoan hỷ vui mừng tâm muốn cúng dường Phật, em mới lấy cái bình trong đó đựng đồ chơi ngũ cốc muốn dâng lên cúng dường Phật; nhưng với không tới. Em nói với em bé khác:

–Tôi đứng lên người bạn để cúng dường ngũ cốc cho Phật.

Em bé kia đồng ý, nó liền đứng trên vai em bé ấy lấy đất cúng Phật. Đức Phật hạ bát cúi xuống nhận lấy. Nhận xong, Ngài trao cho A-nan và nói:

–Ông hãy giữ số đất này để về quét lên những chỗ dơ ở tường phòng của Ta.

Khất thực xong trở về tinh xá Kỳ hoàn, ngài A-nan lấy đất quét phòng của Phật vừa đủ sạch một bên thì đất vừa hết, xong A-nan sửa lại y phục lên bạch với Phật. Đức Phật dạy A-nan:

–Em bé hoan hỷ cúng dường đất đủ để quét những chỗ dơ một bên phòng của Phật, nhờ công đức này sau khi Ta nhập Niết-bàn khoảng một trăm năm sẽ làm vua một nước lấy hiệu là A-thâu-ca, còn các em bé khác thì làm quan đại thần cúng cai trị các quốc độ trong cõi Diêm-phù-đề này để làm hưng thịnh Tam bảo, cúng dường rộng khắp, phân bố xá-lợi khắp cõi Diêm-phù-đề, xây dựng tám mươi bốn ngàn ngôi tháp cho Ta.

A-nan nghe xong tán thán khen ngợi và hỏi tiếp:

–Bạch Đức Như Lai, ngày xưa do công đức gì mà có phước báo nhiều tháp như vậy?

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, ông phải chuyên chú lắng nghe. Vào kiếp quá khứ lâu xa a-tăng-kỳ kiếp, có vị vua một nước lớn tên là Ba-tắc-kỳ cai trị tám ngàn bốn trăm nước trong cõi Diêm-phù-đề. Vào lúc đó có Đức Phật hiệu là Phất-sa. Vua Ba-tắc-kỳ và các đại thần đem đủ tứ sự cúng dường Đức Phật và chúng Tỳ-kheo Tăng với một tấm lòng tôn kính vô lượng. Vua suy nghĩ: “Nay đại quốc này toàn thể nhân dân luôn được thấy Phật, lễ

bái cúng dường. Còn các nước nhược tiểu kia, ở ngoài biên địa, nhân dân thiếu điều kiện để tu phước, nay cho vẽ hình tượng Phật phổ biến khắp các nước nhằm gợi ý thức cúng dường.” Suy nghĩ xong, vua cho triệu tập các họa sư rồi sai thiết kế hội họa. Các họa sư đến ngồi một bên Phật để vẽ, vừa nhìn Phật vừa vẽ, vì thế chỉ vẽ được một phía. Còn thiếu các phía bên kia. Lại tiếp vừa nhìn các phía còn lại vừa vẽ, vì thế chỉ vẽ được từng mảnh cho nên bức họa không thành toàn bích được. Khi ấy Đức Phật Phất-sa hòa nhập các mảng lại, tự tay Phật vẽ đúng theo pháp thức thành một hình toàn bích, sau đó các họa sư y cứ vào đó phóng ra tám mươi bốn ngàn hình tượng, vô cùng tuyệt tác đúng y như Phật, rồi cho phổ biến khắp mỗi nước mỗi bức và dẫn dò nhân dân mỗi nước dâng hương hoa để cúng dường hình tượng. Nhân dân các nước có được hình tượng Như Lai tôn kính phụng thờ như gặp được chính thân Phật vậy.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, vua Ba-tắc-kỳ thuở đó nay chính là Ta. Do nhân duyên vào thời đó cho họa tám mươi bốn ngàn hình tượng Phật, phổ biến khắp các nước và bày cách thức cúng dường, công đức này đời đời tiếp nhận được phước, trên trời hoặc trong loài người, sinh bất cứ nơi nào đều có nhan sắc tuyệt đẹp, đoan chánh. Có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do công đức này đưa đến thành Phật, sau khi nhập Niết-bàn lại được quả báo có tám mươi bốn ngàn tháp được xây dựng.

Hiền giả A-nan và cả hội chúng nghe Đức Phật thuyết xong hoan hỷ phụng hành.

M

Phẩm 18: CÚNG DƯỜNG BẢY BÌNH VÀNG

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật trú tại lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ các Tỳ-kheo trong mỗi nước tùy ý an cư, trải qua chín mươi ngày, sau khi an cư xong đều đến chỗ Phật mà hỏi những nghi vấn và nhận lời giáo huấn. Đức Phật và chúng Tỳ-kheo xa nhau đã lâu, lòng càng thương nhớ, Đức Phật cất bàn chân tướng thiên bước luân và cánh tay thần để chúng Tỳ-kheo xem, an ủi vỗ về sự lao khổ của họ, rồi sau đó hỏi thăm:

–Các vị ở xa tới có lẽ sự cúng dường ẩm thực chắc không thiếu chứ?

Công đức Như Lai ở trên thế gian không ai sánh bằng. Nay Ngài hạ cố thăm hỏi các Tỳ-kheo, đặc biệt quan tâm. A-nan thấy đó là một việc lạ nên thưa hỏi Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn, Ngài là một Bạc Xuất Thế, tối tôn đặc thù, công đức trí tuệ hiếm có trên đời. Nay Ngài hạ cố thăm hỏi an ủi các Tỳ-kheo, có điều gì tốt lành chăng? Bạch Đức Thế Tôn, không rõ Đức Thế Tôn có những lời lẽ khiêm tốn như thế là có ý xa gần muốn dạy bảo điều gì?

Đức Phật dạy:

–Nếu người muốn biết, hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ nói:

Ngài A-nan thưa:

–Xin vâng, chúng con cung kính lắng nghe.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, vào thời quá khứ lâu xa, vô số lượng a-tăng-kỳ kiếp không thể tính hết, ở cõi Diêm-phù-đề này có một nước lớn tên là Ba-la-nại, có một người chăm lo sự nghiệp gia đình, rất ham muốn vàng, ra sức dồn góp, lê thân buôn bán khắp bốn phương

trời để có tiền bạc dồn vào mua vàng. Một hôm mua được một bình vàng, đào một chỗ trong nhà để chôn giấu, lo toan nhiều thứ khổ tâm mệt xác, trải qua nhiều năm không dám ăn mặc, liên tục dồn góp được bảy cái bình, đều đem chôn giấu.

Một thời gian sau ông ta ngã bệnh rồi chết. Do tâm luyến ái số vàng đó liền tái sinh làm một con độc xà trở về trong nhà để canh giữ bình vàng đó, thọ mạng trải qua năm tháng đến hồi chung cuộc phải bỏ thân xác; nhưng tâm luyến ái của cải không dừng, trở lại thọ thân cừu mang các bình vàng đó tiếp tục trải qua số đến muôn tuổi. Đến lần thọ thân sau cùng, tâm ông sinh nhàm chán, tự nghĩ: “Ta từ trước tới nay do vì ái luyến vàng mà chịu mang thân hình độc xà này, chưa có ngày chấm dứt. Nay ta nên chuyên tâm làm nhiều việc phước để đời đời hưởng ân phước báo.” Nghĩ xong, độc xà tìm một chỗ bên vệ đường, khoanh mình nằm trong bụi cỏ, ẩn mình xem xét, nếu có người đi qua sẽ gọi.

Lúc ấy độc xà thấy một người đi hương về phía mình, độc xà kêu lên, người kia nghe tiếng, nhìn phải nhìn trái không thấy bóng người mà chỉ nghe tiếng, nên lại thẳng đường mà đi. Độc xà liền xuất hiện gọi lớn:

–Này hãy đến gần tôi.

Người kia đáp:

–Người là rắn độc gọi ta có việc gì? Nếu ta đến gần người sẽ hại ta.

Độc xà đáp:

–Ta không có ý hại người, nếu có ý muốn hại người, không lại gần ta cũng hại được vậy!

Người kia rất kinh sợ nhưng cứ đến gần. Độc xà nói:

–Nay ở chỗ ta có cái bình vàng muốn đem cái bình vàng đó để lo việc cúng dường làm phước, người làm được việc này không? Nếu người không làm ta sẽ hại người.

Người kia đáp rằng tôi sẽ làm. Độc xà liền dẫn người đó cùng đến chỗ cất giấu vàng, lấy bình vàng lên đưa cho người kia rồi nói:

–Người đem bình vàng này chọn ngày để lo việc cúng dường chúng Tăng ẩm thực. Hẹn ngày xong, khi nào đi mang một cái thúng để bỏ ta vào rồi cùng đi.

Người kia mang bình vàng đem đến Tăng-già-lam, trao cho thầy Duy na và đem sự việc trên trình bày đầy đủ cho thầy, nói:

–Độc xà kia muốn thiết trai cúng dường, xin chọn ngày dâng vật thực.

Vị Tăng nhận bình vàng kia để lo trần thiết sửa soạn những món ăn ngon. Đến ngày cúng dường, người kia mang một cái thúng nhỏ đến chỗ con rắn kia. Rắn mừng rỡ hỏi han liền khoanh thân trên cái mâm bỏ vào trong thúng, che đậy nhiều lớp trên mình rắn rồi mang đến chỗ Đức Phật. Đang đi giữa đường, ông ta bỗng gặp một người, người ấy hỏi:

–Ông từ đâu lại mà mang đôi giày đẹp vậy?

Ông ta im lặng, không đáp. Hỏi đến lần thứ ba, ông ta cũng không thèm trả lời một tiếng. Người mang con rắn nổi sân hừng hực, có ý độc địa muốn giết chết người kia, nhưng tự cố ngăn được cơn giận vì sao người kia hỏi không đúng lúc! Rắn tự nghĩ: “Người kia cũng có ý tốt, dừng lại hỏi thăm, trịnh trọng hỏi đến ba lần mà ông ta không trả lời lấy một lời, thật không phải lẽ!” Sau khi suy nghĩ như thế, tâm độc lại dấy lên bộc phát mãnh liệt muốn hại người đang mang mình. Nhưng rồi rắn tự nghĩ: “Người này vì ta mà làm phước chưa trả được ân.” Nhiều lần nghĩ vậy, tâm nó trở lại bình phục: “Đối với người này ta mang ân lớn, tuy có chút lỗi việc ấy nên nhẫn nhịn thì hơn.” Đến

chỗ vắng, rấn mới nói với người kia: “Bỏ ta xuống đây,” rồi tìm lời trách móc nặng nề, đem giới pháp mà khuyên bảo. Người kia mới thấy rõ, tự mình trách móc, hối cải, sinh tâm khiêm tốn, lòng thương xót đến mọi người. Rấn rất nhiều lần khuyên bảo không nên tái phạm như vậy.

Người kia mang con rấn đến Tăng-già-lam đặt trước chúng Tăng. Đến giờ chúng Tăng thọ thực đứng thành từng hàng, rấn bảo người kia theo thứ tự mà cúng dường hương, bằng tâm cung kính trực tiếp thấy được chúng Tăng nhận hương, như vậy cho đến vị cuối cùng, tận mắt nhìn thấy không sót một vị, rồi được dẫn theo chư Tăng nhiều vòng quanh tháp. Xong, người kia lấy nước cho chư Tăng rửa tay, rấn trong lòng cung kính, quan sát chúng Tăng rửa tay, tâm không chán. Chúng Tăng thọ thực xong nhiều lần nói pháp cho rấn nghe một cách rộng rãi, tâm hoan hỷ tăng lên gấp bội. Rấn liền khởi tâm bố thí thêm nữa, cho dẫn thầy Duy na đến chỗ giấu vàng, lấy lên sáu bình còn lại và dâng cúng chư Tăng. Sau việc làm phước đó, rấn mạng chung và do nhân duyên phước đức được sinh vào cung trời Đao-lợi.

Đức Phật dạy A-nan:

–Ông nên biết, người mang rấn thuở trước không phải ai khác mà chính là Ta. Độc xà nay là Xá-lợi-phất. Ta vào lúc đó trải qua những ngày mang rấn đến chỗ chúng Tăng, bị rấn quở trách, tự thấy xấu hổ lập lời thệ nguyện và sinh tâm khiêm hạ. Những sự việc đó từ ấy đến nay chưa từng thoái chuyển.

Bấy giờ các Tỳ-kheo trong hội chúng và Tôn giả A-nan nghe Đức Phật thuyết xong đều hoan hỷ phụng hành.

M

Phẩm 19: PHƯỚC BÁO TRONG HIỆN TẠI CỦA SAI-MA

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật trú tại tinh xá Trúc lâm, thành La-duyệt-kỳ, cùng một số đông các đệ tử.

Bấy giờ, ở trong nước có một Bà-la-môn gia đình cùng khổ, tiền gạo thiếu thốn, mặc dầu siêng năng cần mẫn mà tai họa đập dồn. Đi đến đường cùng, cơm áo không đủ, ông đến hỏi một người bạn:

–Trong thế gian này nên làm những việc gì để trong hiện tại con người có thể hưởng được phước đức?

Có người bảo:

–Ông không biết sao, hiện nay đang có Đức Phật ra đời lấy phúc đức độ cho chúng sinh, tất cả đều được lợi lạc, không có ai mà không được độ thoát. Như Lai có bốn vị đại đệ tử: ngài Ma-ha Ca-diếp, Đại Mục-kiền-liên, Xá-lợi-phất và A-na-luật, tất cả đều là những vị Hiền sĩ, đều thương xót những người nghèo khổ, thường làm những việc phước thiện để đem lại lợi lạc, cứu khổ cho chúng sinh. Nếu ông hết lòng kính tin, thiết trai cúng dường các vị Hiền sĩ này rồi nhân dịp đó nói lên những lời ước nguyện ngay tại đời này.

Vị Bà-la-môn nghe những lời khuyên như thế trong lòng rất hoan hỷ. Trở về nước, ông đi khắp nơi rao tìm việc và cật lực làm việc kiếm được một ít tài vật mang về nhà lo sửa chữa vật thực thỉnh các vị Hiền thánh chọn ngày cúng dường, dốc lòng siêng năng mong được quả báo hiện tiền. Vị Bà-la-môn có người vợ tên là Sai-ma (*Tân dịch là An*

Ốn). Sau khi chử Tăng Tôn đức thọ trai xong khuyên Sai-ma thọ trì giới Bát quan trai, rồi trở về tinh xá.

Khi đó vua Bình-sa đang dạo chơi trong rừng trở về thành, trên đường gặp một người phạm vào trọng tội của vua bị trói treo đầu ở bên vệ đường. Khi thấy vua đi ngang qua, người ấy khóc lóc thảm thiết van xin một ít thức ăn, vua động lòng thương, hứa sẽ cho rồi tiếp tục đi. Ngày đã trôi qua vua quên sự việc đã hứa trước đó, đêm về sực nhớ rằng khi sáng có hứa cho người phạm tội một ít thức ăn, rồi làm sao quên mất. Vua liền sai người mang thức ăn đến cho người kia, cả nội, ngoại cung không ai muốn đi, đều nói:

–Sợ về đêm trên đường có nhiều mãnh thú, ác quỷ, La-sát, rất nhiều rủi ro tai nạn xảy ra. Thà chết ở đây còn hơn là đi.

Bấy giờ nhà vua nghĩ đến nỗi khổ của phạm nhân kia mà thân tâm sinh phiền não, rất động lòng thương xót vua liền ra lệnh cho trong nước nếu ai có thể đem thức ăn đến cho người kia thì vua ban thưởng cho ngàn lượng vàng, nhưng không có người nào chịu thực hiện lời ban của vua cả. Khi đó Sai-ma thường nghe người ta nói: Nếu ở đời có người thọ trì giới Bát quan trai thì các ác tà quỷ sứ, độc thú, tai ương không thể làm tổn hại được. Sai-ma nghe vua ban lệnh như vậy liền khởi lên ý tưởng: “Nhà ta nghèo khổ, hơn nữa ta lại có thọ giới Bát quan trai. Nay vua có lời ban ta nên đích thân đến đó để nhận lời.” Nghĩ rồi nàng liền đến đó. Vua nói với Sai-ma:

–Khanh giúp ta mang thức ăn đến chỗ đó, ta sẽ ban thưởng cho người một ngàn lượng vàng.

Sai-ma liền nhận mệnh lệnh của vua xong mang thức ăn đi trên đường dốc tâm trì trai giữ giới không có khuyết phạm. Cứ đúng theo đường mà đi, đi được một đoạn khá xa gặp một con quỷ La-sát tên là Lam-bà. Khi ấy quỷ La-sát vừa sinh ra năm trăm đứa con, vừa sinh xong trong bụng rất đói khát thấy Sai-ma đến, trông để ăn nhưng do vì Sai-ma trì trai giới không khuyết phạm, nên La-sát trông thấy đổi ý sợ hãi, cơn đói hành hạ kịch liệt liền đi theo xin:

–Xin cho tôi một ít thức ăn.

Sai-ma đồng ý lấy một ít thức ăn để cho, thức ăn tuy ít nhưng ăn vào do năng lực của quỷ thần cũng thấy đủ no. Bấy giờ La-sát hỏi Sai-ma:

–Người tên là gì?

Đáp:

–Tôi tên là Sai-ma.

La-sát hoan hỷ nói với Sai-ma:

–Nay tôi vừa sinh xong mà được an ổn là nhờ bạn cứu mạng, thật may mắn cho tôi rất nhiều! Tôi mang ân cứu mạng của bạn rồi nghe được cái tên bạn thật hay. Nay trong nhà tôi có cái chõ bằng vàng xin biếu cho bạn, mong bạn nhận cho.

La-sát lại hỏi:

–Nay bạn đi đến đâu?

Sai-ma đáp:

–Tôi mang thức ăn này cho phạm nhân ở chỗ kia.

Lam-bà nói:

–Tôi có người em ở phía trước tên là A-lam-bà, nếu bạn gặp thì cho tôi gửi lời thăm hỏi, nói giúp là tôi vừa mới sinh được năm trăm người con, thân thể được an ổn, trình bày rõ tình cảm của tôi để chị tôi rõ tin tức.

Sai-ma nghe xong thẳng đường mà đi gặp A-lam-bà hỏi thăm và chuyển lời của

Lam-bà lại rõ từng chi tiết, sinh được năm trăm đứa con, đều được an ổn. Khi ấy A-lam-bà nghe xong trong lòng vui mừng, hỏi người khách:

–Chị tên gì?

Nàng đáp:

–Tôi tên là Sai-ma.

La-sát nghe cũng vui vẻ nói:

Chị tôi sinh xong được mẹ tròn con vuông, rồi nghe tên của chị thật đẹp làm sao! Nay trong nhà tôi có cái chõ bằng vàng mang biếu chị, xin chị nhận cho. A-lam-bà hỏi tiếp:

–Chị đi đến đâu? Sai-ma đáp:

–Tôi mang thức ăn đến chỗ đó cho phạm nhân kia.

A-lam-bà nói:

–Tôi có người em trai tên là Phân-na-kỳ, ở phía trên kia, xin chị giúp tôi hỏi thăm rồi nhân đó chuyển lại lời của chị nó. Sai-ma từ già đi tiếp, đúng như lời dặn đến gặp Phân-na-kỳ, chuyển đạt lại ý kiến của hai chị Phân-na-kỳ đầy đủ, nói:

–Người chị lớn sinh được năm trăm người con, bình an vô sự không có điều gì không may xảy ra.

Phân-na-kỳ nghe tin hai chị mình bình an, trong lòng hoan hỷ liền hỏi Sai-ma:

–Tên chị là gì?

Đáp:

–Tên tôi là Sai-ma.

Phân-na-kỳ đáp:

–Tên chị là ý nghĩa của sự an ổn, lại mang những tin tức tốt đẹp của chị tôi, thật không có gì thích thú bằng!

Liền nói với Sai-ma:

–Tôi có cái chõ vàng muốn biếu chị, mong chị nhận cho.

Nàng Sai-ma chào từ biệt lên đường đi tiếp, nhớ rõ chỗ đến gặp phạm nhân, trao thức ăn, rồi trở về nhà cùng đem về ba cái chõ bằng vàng. Trở về đến cung vua, vua ban thưởng một ngàn lạng vàng. Sau đó gia đình thoát khỏi cảnh nghèo đói trở nên giàu có.

Dân chúng trong nước thấy gia đình ấy có nhiều báu vật giàu sang mọi người mến mộ lui tới, vui vẻ đông đúc, trong gia đình trở nên giàu có sung túc. Vua nghe phước đức vị ấy như vậy liền cho triệu vào cung phong làm chức đại thần, nhận được bổng lộc của vua gia đình trở nên giàu có hơn. Lòng tin thuần nhất thành khẩn, rộng làm phước nghiệp, thỉnh Phật và chúng Tăng mở đàn tràng lớn. Đức Phật và Tăng chúng nhận lời cầu thỉnh. Sau khi đến thọ trai xong, Đức Phật thuyết giảng chánh pháp, tâm trí của họ được khai mở đắc quả Tu-đà-hoàn.

Bấy giờ hội chúng và A-nan sau khi nghe xong đều hoan hỷ phụng hành.

M

Phẩm 20: CÔ GÁI NGHÈO NAN-ĐÀ

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ trong nước có người con gái tên là Nan-đà, bần cùng, cô độc, tự hành khát để nuôi sống. Thấy các vị quốc vương, đại thần, lớn nhỏ đều cúng Đức dưỡng Phật và

chúng Tăng, Nan-đà suy nghĩ: “Ta do tội báo đời trước sinh vào chỗ bần tiện. Tuy gặp việc phước điền mà không gieo được chút chủng tử.” Nàng cảm thấy chua xót thấm thương, tự mình rất hối hận, liền tiếp tục hành khát mong để cúng dường một chút nhỏ. Đi liên tục trọn ngày xin được một đồng tiền, nàng đem đến nhà hàng dầu để mua, người bán dầu hỏi:

–Chỉ mua một đồng thôi ít quá chẳng đủ dùng vào việc gì!

Nan-đà trình bày và nói lên tâm nguyện của mình, người bán dầu thương tình cho thêm dầu. Nàng có dầu rồi rất hoan hỷ đủ châm cho một cây đèn, rồi mang đến tinh xá dâng lên Đức Thế Tôn.

Nàng đem đặt vào số các cây đèn trước Đức Phật, rồi lập lời nguyện:

–Con nay nghèo khổ, có cây đèn nhỏ này kính dâng lên Đức Phật, nguyện với công đức này khiến con trong đời vị lai có được trí tuệ để chiếu soi diệt trừ tất cả các cấu uế và u ám của tất cả chúng sinh.

Lập lời nguyện xong, nàng lễ Phật và lui ra. Đêm đã về khuya, các đèn đều tắt hết chỉ còn cây đèn đó đang cháy đỏ. Bấy giờ ngài Mục-liên đến phiên trực nhật, thấy trời đã sáng thu đèn để dẹp vào một chỗ, thấy riêng cây đèn này vẫn đỏ sáng rực, bác đã khô quánh lại mà cũng chưa tắt, giống như đèn mới cháy vậy. Ngài Mục-kiền-liên suy nghĩ: “Cây đèn này, trời đã sáng rồi, để cũng vô ích nên thổi tắt, đêm tối thấp lại.” Ngài liền quạt cho tắt, nhưng đèn vẫn sáng như cũ, không cách nào dập tắt được. Ngài bèn lấy tay áo mà quạt nhưng đèn vẫn sáng không tắt. Đức Phật thấy Mục-liên muốn tắt cây đèn này, Ngài dạy:

–Này Mục-liên, ông nên biết cây đèn này, năng lực Thanh văn của ông không thể làm lay động nó được, dùng nước bốn biển phun vào cùng với gió thổi cũng không làm cho nó tắt được. Vì sao như thế? Đây là một vật mà người cúng dường đã phát tâm rộng lớn cao siêu với vợ đã thực hiện.

Đức Phật vừa nói xong thì Nan-đà đến cúi đầu đánh lễ. Ngay khi đó Đức Thế Tôn liền thọ ký cho cô là người vào thời vị lai hai trăm kiếp a-tăng-kỳ sẽ thành Phật lên là Đăng Quang có đầy đủ mười hiệu. Nan-đà được thọ ký rồi hoan hỷ quỳ xuống bạch Phật cầu xin xuất gia, được Đức Phật chấp thuận và trở thành Tỳ-kheo-ni.

Bấy giờ Tuệ mạng A-nan và Mục-liên, thấy người con gái nghèo khổ được xuất gia, thọ ký, liền quỳ xuống chấp tay hỏi Đức Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, cô gái Nan-đà này do hành động gì trong quá khứ mà đến nay phải chịu cảnh xin ăn để nuôi sống; và do nhân duyên gì nay lại gặp được Phật, xuất gia. Cả tứ chúng đều cung kính, mọi người tranh nhau cúng dường?

Đức Phật dạy A-nan:

–Trong quá khứ có Đức Phật hiệu là Ca-diếp. Lúc bấy giờ trong nước có vợ một người cư sĩ đích thân đến thỉnh Phật cùng chư Tăng. Nhưng trước đó, Đức Phật nhận lời mời cúng dường của một người nữ nghèo; người nữ này đã chứng đắc quả A-na-hàm. Khi ấy vợ vị trưởng giả giàu có khinh khi các người nghèo, chê trách Đức Thế Tôn thọ nhận lời mời thỉnh của kẻ nghèo hèn kia, từ những lời chê trách đó đi đến ý tưởng khinh chê Hiền thánh. Từ đó đến nay năm trăm kiếp thường sinh trong gia đình nghèo khó ăn xin. Người nữ nghèo khổ kia do duyên tổ chức ngày trai cúng dường Phật và chúng Tăng vào lúc đó mà nay được gặp Phật ra đời, được xuất gia thọ ký, trong nước ai cũng cung kính.

Bấy giờ hội chúng nghe Đức Phật dạy về điều này ai cũng đều hoan hỷ. Quốc vương, thần dân nghe người con gái khổ sở này dâng cúng Phật một cây đèn như vậy ai cũng đều sinh tâm cung kính và nhiều người dâng cúng y phục tốt đẹp và bốn loại vật

dụng không hề thiếu thốn. Nam nữ trong nước, cao quý thấp hèn, lớn nhỏ đều làm các loại hương hoa đèn dầu mang đến Kỳ hoàn để cúng dường Phật và chúng Tăng rất nhiều, đèn treo cùng khắp trong Kỳ hoàn, khắp các rừng cây bao quanh tứ phía giống như các dãy sao ở trên không trung, kéo dài cho đến bảy ngày đêm.

Ngài A-nan rất hoan hỷ tán thán vô lượng đức hạnh của Như Lai và bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, không rõ Đức Thế Tôn trong kiếp quá khứ đã gieo trồng các thiện căn gì mà nay có được phước báo được cúng đèn nhiều vô số kể như vậy.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, trong quá khứ lâu xa hai a-tăng-kỳ chín mươi một kiếp, ở cõi Diêm-phù-đề này có một nước lớn, vua tên là Ba-tắc-kỳ làm chủ tám mươi bốn ngàn các tiểu quốc trong thế giới này. Vua có một đại phu nhân sinh được một thái tử thân có sắc vàng ròng, ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, trên thượng đỉnh có tướng báu tự nhiên. Các tướng chiếu sáng, ánh sáng chiếu soi mắt người. Vua liền cho mời một thầy tướng để xem điềm cát hung thế nào, từ đó mà đặt tên. Thầy tướng mới vén ra xem, thấy những tướng tốt kỳ diệu, liền cất tay tán thán: “Lành thay, lành thay! Vị thái tử này ở trong thế gian, trời người không ai sánh kịp. Nếu ở tại nhà thì sẽ làm Chuyển luân thánh vương còn đi xuất gia tự nhiên thành Phật.”

Vị thầy tướng hỏi vua:

–Khi sinh thái tử có sự việc gì khác thường không?

Vua đáp:

–Ở trên đỉnh đầu có một tướng báu sáng chói xuất hiện.

Liền từ đó đặt tên là Lạc-na-thức-kỳ (*Tân dịch là “Cái búi tóc báu”*). Trải qua ngày tháng lớn lên, thái tử xuất gia học đạo, chứng ngộ thành Phật, giáo hóa nhân dân, độ được rất nhiều.

Bấy giờ phụ vương thỉnh Đức Phật và chúng Tăng cúng dường trong ba tháng có một Tỳ-kheo tên là A-lê-mật-la (*Tân dịch là Thánh Hữu*), lo việc liên hệ với đàn-việt về hương đăng hàng tháng vào thành đến nhà. Các trưởng giả, cư sĩ và nhân dân xin đầy đủ các loại dầu, đèn và bấc. Bấy giờ có người con gái tên là Mâu-ni đứng trên lầu cao thấy vị Tỳ-kheo hàng ngày vào thành vất vả với công việc, lòng sinh kính trọng, cho người đến hỏi:

–Thưa Tôn giả ngày nào cũng thấy ngài vất vả vào thành để lo công việc gì?

Vị Tỳ-kheo trả lời:

–Tôi trong ba tháng này lo liên hệ với đàn-việt về dầu đèn để lo cho Đức Phật cùng chư Tăng, cho nên mới vào thành đến nhà chư hiền để xin đầy đủ các thứ dầu, đèn, bấc.

Người thị tỳ trở về báo lại cho vương nữ. Nghe xong cô hoan hỷ đến nói với Thánh Hữu:

–Từ nay về sau ngài khỏi cần phải đi xin cực khổ, tôi sẽ cung cấp đầy đủ đèn dầu cho ngài.

Vị Tỳ-kheo nhận lời. Từ đó trở về sau nàng thường cung cấp đầy đủ đèn, dầu, bấc, Tỳ-kheo Thánh Hữu hàng ngày lo việc hương đăng cúng dường, phát tâm rộng lớn với lòng thành khẩn thiết. Đức Phật thọ ký cho Thánh Hữu vào thời a-tăng-kỳ kiếp sẽ thành Phật hiệu là Định Quang đầy đủ mười đức hiệu. Vương nữ Mâu-ni nghe Đức Phật thọ ký cho Tỳ-kheo Thánh Hữu làm Phật, suy nghĩ: “Tất cả mọi vật dụng đèn dầu ta lo, còn vị Tỳ-kheo ấy chỉ lo việc sửa soạn lại vậy mà nay được Đức Phật thọ ký còn riêng ta thì

không được.” Mâu-ni liền đi đến chỗ Phật để tỏ bày tâm nguyện, lại được Phật thọ ký:

–Này Mâu-ni, người vào hai a-tăng-kỳ chín mươi một kiếp sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, đầy đủ mười hiệu.

Bấy giờ vương nữ được Phật thọ ký trong tâm hoan hỷ được hóa thành nam giới, đánh lễ ngang chân Phật, xin làm Sa-môn. Đức Phật liền chấp nhận. Vị ấy siêng năng tinh tấn, tu hành không biếng trễ.

Đức Phật dạy A-nan:

–Tỳ-kheo A-lê-mật lúc ấy đâu phải ai khác trong quá khứ, chính là Phật Định Quang. Vương nữ Mâu-ni cũng chẳng phải ai khác chính là Ta vậy. Nhân duyên ngày ấy cúng dường hương đăng, từ đó vô số kiếp đến nay ở trên chư Thiên hoặc trong thế gian tự nhiên thọ nhận phước đức. Thân thể đặc thù siêu việt hơn người, đến nay thành Phật là do phước báo cúng dường hương đăng lúc đó.

Trong đại hội nghe Đức Phật dạy xong, có người đăc từ Sơ quả cho đến Tứ quả, hoặc có người gieo trồng căn lành vào quả vị Duyên giác, có người phát tâm Vô thượng chánh chân Đạo ý.

Tuệ mạng A-nan cùng các hội chúng, tất cả đều cung kính, hân hoan phụng hành.

M

Phẩm 21: NHÂN DUYÊN VUA ĐẠI QUANG MINH PHÁT TÂM ĐẠO

Người có hiểu biết, trí tuệ và khéo léo dùng phương tiện, từ nơi nhân duyên nhỏ mà có thể phát đại tâm hướng đến Phật đạo. Người giải đãi biếng nhác, cho dù gặp duyên lớn cũng không thể phát tâm hướng đến Phật đạo. Vì thế hành giả phải lập tâm chí vững bền dững mãnh tinh tấn với nhân duyên lành. Làm sao biết như vậy?

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ cùng với bốn chúng, vua quan, nhân dân vây quanh Đức Thế Tôn cúng dường cung kính.

Bấy giờ ở trong đại chúng có nhiều người khởi nghi vấn: “Đức Thế Tôn do nhân duyên căn bản của Ngài là gì mà từ khi sơ phát tâm cho đến lúc thành đạo đã mang lại lợi ích cho nhiều người? Chúng ta cũng muốn phát tâm cầu thành Phật đạo và đem lại lợi ích cho chúng sinh.”

Tôn giả A-nan biết được ý nghĩ đó liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa y áo quỳ trước Đức Phật bạch:

–Bạch Thế Tôn, nay trong đại chúng có nghi vấn là Đức Thế Tôn từ ngày xưa do nhân duyên gì mà phát tâm cầu đạo lớn? Mong Đức Thế Tôn dạy vì lợi lạc cho tất cả.

Đức Phật dạy A-nan:

–Lành thay! Lành thay! Như những lời A-nan hỏi sẽ lợi lạc cho nhiều người. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

Trong đại hội yên tĩnh không có tiếng động. Cả sơn hà đại địa gió mưa sông núi, chim chóc cầm thú đều lặng yên không có một tiếng. Trong đại chúng, có Thiên, Long, Quỷ thần nóng lòng muốn nghe, nhất tâm quán Phật.

Đức Phật dạy A-nan:

–Này A-nan, trong quá khứ lâu xa vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, ở cõi Diêm-phù-đề này có một vị quốc vương tên là Đại Quang Minh có phước đức rất lớn, thông minh, trí tuệ, đầy đủ vương tướng. Có một nước lân cận giao hảo rất thâm tình nhưng

ngặt nổi thiếu thốn mọi bề, vua Đại Quang Minh tùy thời ban tặng. Một hôm nước kia có được vật báu muốn đem dâng hiến vua Đại Quang. Một hôm vua nước lân cận vào một khu rừng lớn săn bắn bắt được hai con voi hình thù cân đối đẹp đẽ trắng như pha lê, cứng cáp vững vàng, nhà vua rất yêu quý, trong lòng vui mừng suy nghĩ: “Ta đem vật báu này dâng cho vua Quang Minh.” Vua cho trang sức những loại châu báu ở trên thế gian như vàng bạc... mang đến để dâng tặng Quang Minh. Vua vừa thấy voi báu tâm rất hoan hỷ. Lúc đó có người quản tượng tên là Tán-xà, vua ra lệnh:

–Người lo việc trông coi, nuôi nấng và điều phục con voi này.

Tán-xà không bao lâu đã điều phục được voi báu, đến tâu với vua:

–Muôn tâu đại vương, hạ thần đã điều phục được voi báu và trở thành thuần lương, xin đại vương cho ra thí trường đấu.

Vua nghe như vậy trong lòng hoan hỷ muốn đợi xem con voi thuần lương biểu diễn, liền cho đánh trống vàng tập hợp quan dân để xem voi báu tỹ thí. Mọi người tụ tập lại, vua cỡi trên voi báu xuất hiện giống như mặt trời vừa mới ló lên đầu ngọn núi, ánh sáng chói lọi cũng giống như vậy, cùng với các thần dân ra ngoài thành vui chơi đến chỗ thí trường. Khi ấy voi báu dương khí hùng hực thấy các đàn voi đang tìm gốc sen để ăn bên hồ sen, lòng dục phát lên bôn tẩu đi tìm voi cái vào tận rừng sâu, áo mão của vua rơi vãi tứ tung, áo quần tơi tả, thân thể thương vong. Khi ấy tâm thần vua mê loạn nghĩ chắc mình sẽ chết, rất là lo sợ, hỏi người quản tượng:

–Ta làm cách nào để kềm nó lại được?

Tán-xà thưa:

–Trong rừng có nhiều cây, xin đại vương có thể bám vào bất cứ cây nào để được an toàn.

Vua liền bám vào một nhánh cây, con voi lướt đi vua đứng lại, rồi ngồi dưới một gốc cây, thấy trên thân mình chẳng còn áo mão, toàn bị thương tích, hết sức khổ não, đang trong cơn mê tìm lối đi ra khỏi rừng; nhưng chẳng biết lối nào mà đi. Người quản tượng, cách một quãng ở trước cũng níu được một cành cây đứng lại rồi trở lại tìm thấy vua âu sầu ngồi một mình. Quản tượng dập đầu thưa:

–Mong đại vương chớ có quá sầu khổ, con voi này khi lòng dâm của nó lắng xuống, nhàm chán cỏ dơ, nước đục, nhớ đến thức ăn mỹ vị, nước uống tinh khiết ở trong cung nó sẽ trở về liền.

Vua nói:

–Ta không quan tâm đến người cùng con voi đó nữa. Suýt nữa con voi làm ta mất mạng.

Bấy giờ, quần thần lo nghĩ có lẽ vua đã bị con voi điên kia làm hại và chia nhau đi tìm khắp các nẻo đường. Có người tìm được chiếc mão, có người tìm được áo bào của vua, có người thấy máu rơi, liền sau đó thấy vua cỡi một con voi khác trở vào thành, dân chúng trong thành thấy đại vương khổ não như thế không ai mà không sầu não.

Sau một thời gian con voi điên này sống trong rừng vắng chán chê cảnh ăn cỏ xấu, uống nước đục, lòng dục lại lắng xuống liền nhớ đến cảnh sung sướng trong cung thức ăn mỹ vị, uống nước tinh khiết, chạy như gió lốc trở về chỗ ở cũ. Quản tượng vừa thấy sang báo với vua:

–Thưa đại vương con voi bị thất lạc trước kia nay đã trở về, xin đại vương ra xem.

Nhà vua bảo:

–Ta đã nói là không cần người và con voi điên ấy nữa.

Tán-xà khởi tấu:

–Vua không cần hạ thân và voi này nữa, xin đại vương xem hạ thân có cách điều phục con voi báu này.

Vua đồng ý, làm chỗ bằng phẳng và bố trí chỗ ngồi nơi điều phục voi. Bấy giờ nhân dân trong nước nghe người quản tượng muốn biểu diễn cách điều phục voi trước mặt vua, khắp nơi đều vân tập. Vua từ cung điện đi ra cùng với mọi người đi theo đến an tọa theo vị trí. Quản tượng Tán-xà cho dẫn voi ra trước bá quan văn võ, cho tìm người thợ rèn làm bảy viên sắc đem thui thật đỏ, tự nghĩ: “Con voi này nuốt các viên sắt này chắc chắn phải chết, sau đó vua sẽ hối tiếc.” Lại bạch với đại vương:

–Con bạch tượng này rất báu chỉ có Chuyển luân vương mới có thể cỡi được. Nay chỉ vì một lỗi nhỏ không đến nỗi phải tội chết.

Đại vương nói:

–Nếu người không điều phục được thì không nên để cho ta cỡi, nếu điều phục được thì sự việc đâu phải như thế này? Nay ta chẳng cần cả người lẫn voi.

Quản tượng nói:

–Ngài không cần dùng thật đáng tiếc!

Vua giận dữ quát:

–Người hãy đi đi!

Tán-xà đứng dậy khóc mà nói:

–Bệ hạ không có thân sơ, tâm thật độc hại chỉ nghe những lời dối trá ngon ngọt.

Bấy giờ trong hội chúng lớn nhỏ nghe xong rơi lệ, nhìn kỹ vào voi, người quản tượng lớn tiếng thị uy bảo voi:

–Hãy nuốt những viên sắt này nếu không ta sẽ lấy móc sắt để móc não mày ra.

Voi hiểu ý liền nghĩ nếu không nuốt những viên sắt này mà chết thì không thể nào chịu nổi chiếc móc sắt kia. Giống như mọi người đều chết thì chịu thất cổ mà chết chứ không ai thích chết thiêu. Voi quỳ hai gối xuống đất hướng về phía vua mong vua cứu mạng, vua dùng dùng nỗi giận hướng về phía khác. Tán-xà quát lớn:

–Mày không chịu nuốt hòn sắt này hay sao?

Voi bốn lần nhìn lại trông có người cứu hộ. Người quản tượng lấy hòn sắt đặt vào miệng voi, voi nuốt vào chết ngay tại chỗ, giống như chày kim cương đánh vào núi pha lê, hòn sắt liền rơi xuống đất còn đỏ nóng cũng như vậy. Khi ấy trong hội chúng thấy vậy không ai không thương khóc. Vua thấy sự việc như vậy, rất ngạc nhiên bồi hồi, trong lòng hối hận cho tội Tán-xà đến bảo:

–Sao con voi của người bây giờ lại nhu thuận nghe lời như vậy, nhưng tại sao hôm trước ở trong rừng lại không làm sao mà chế phục nó được?

Bấy giờ chư Thiên ở trời Tịnh cư biết được vua Quang Minh đã đúng thời phát tâm Vô thượng Bồ-đề, liền hóa hiện thần lực khiến người quản tượng quỳ xuống đáp:

–Tâu đại vương, hạ thân chỉ điều phục thân của voi chứ không điều phục được tâm.

Vua hỏi:

–Có ai có khả năng điều phục cả thân lẫn tâm không?

Tán-xà tâu:

–Thưa đại vương chỉ có Đức Phật, Thế Tôn mới có khả năng điều phục cả thân lẫn tâm.

Vua Quang Minh nghe đến danh của Phật, tâm run sợ, lông tóc dựng ngược hỏi

Tán-xà:

–Đức Phật sinh từ chủng tánh nào?

Đáp:

–Đức Phật sinh từ hai chủng tánh, một là trí tuệ, hai là từ bi, siêng năng làm sáu việc, đó là sáu Ba-la-mật. Công đức trí tuệ thấy đều đầy đủ lấy hiệu là Phật. Không những tự điều phục mình mà còn điều phục tất cả chúng sinh.

Vua nghe vậy dao động sững sốt, đứng dậy vào cung tắm gội bằng hương thơm, mặc long bào mới lên trên lầu cao lễ khắp bốn hướng khởi tâm Từ bi đối với tất cả chúng sinh, dâng hương phát lời nguyện:

*Nguyện đem công đức này
Hồi hướng đạo quả Phật
Khi con đã thành Phật
Tự điều phục chính mình
Và tất cả chúng sinh.
Nếu có chúng sinh nào
Đọa vào ngục A-tỳ
Dù trải qua một kiếp
Làm lợi lạc hữu tình
Phải vào trong địa ngục
Tâm Bồ-đề không xả.*

Khi vua phát lời nguyện rồi, cả đại địa chấn động theo sáu cách, sơn hà đại địa rung động trập trùng. Trong hư không tự nhiên phát ra tiếng nhạc. Vô lượng chư Thiên biểu diễn nhạc để ngợi khen Bồ-tát và nói: “Như lời nguyện của Ngài thì không bao lâu Ngài sẽ thành Phật, sau khi thành Phật sẽ hóa độ cho chúng tôi, chúng tôi ở trong pháp hội thanh tịnh này sẽ được dự phần.”

Lúc bấy giờ Đức Phật dạy:

–Này các Tỳ-kheo, bạch tượng nuốt hòn sắt nóng lúc đó nay chính là Nan-đà này vậy. Người quản tượng là Xá-lợi-phất và vua Quang Minh chính là Ta. Ta lúc đó nhờ thấy sự nhu thuận của voi mà phát tâm cầu đạo quả, thành Phật.

Bấy giờ trong đại hội, nghe Đức Phật tu hành khổ hạnh như vậy. Có người đắc Tứ đạo quả, có người phát đại đạo tâm, có người xuất gia tu đạo tất cả đều hoan hỷ, tôn kính phụng hành.

Đây là nhân duyên do lập chí siêng năng tinh tấn từ nhân nhỏ, duyên vào đó để hoàn thành Đại sự. Biếng nhác giải đãi dẫu gặp duyên lớn cũng không thành công được. Vậy hành giả cần phải siêng năng tinh tấn để hướng đến Phật đạo.

